CTCP Bất động sản và Đầu tư VRC (HSX: VRC)

FireAnt

Ngày 30/09/2024	8,120 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-4.2%	**-14.1%**	**-37.1%**

Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	6,980 - 13,200
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	406
Số lượng CPLH (CP)	50,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	9,095
Sở hữu nước ngoài	0.2%
Beta	1.02
EPS	12
P/E	704.2

Tỷ suất lợi nhuận

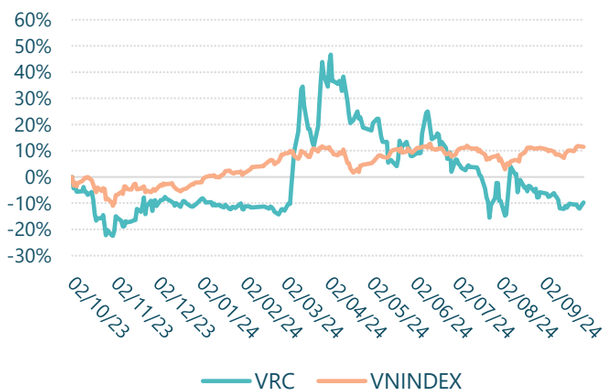

Doanh thu thuần

Q3/24

1.01

tỷ VNĐ

QoQ: ▼4.99 | -83.1%

YoY: ▼0.02 | -1.8%

Nợ/VCSH

Q3/24

37.3%

YoY: +/-▲ 0.3%

LN gộp

Q3/24

0.92

tỷ VNĐ

QoQ: ▼3.67 | -79.9%

YoY: ▼0.05 | -5.1%

ROE (TTM)

Q3/24

0.0%

YoY: +/-▼ 0.0%

LN trước thuế

Q3/24

0.14

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 0.14 |

YoY: ▼0.05 | -25.3%

ROA (TTM)

Q3/24

0.0%

YoY: +/-▼ 0.0%

Kết quả kinh doanh Q3/24

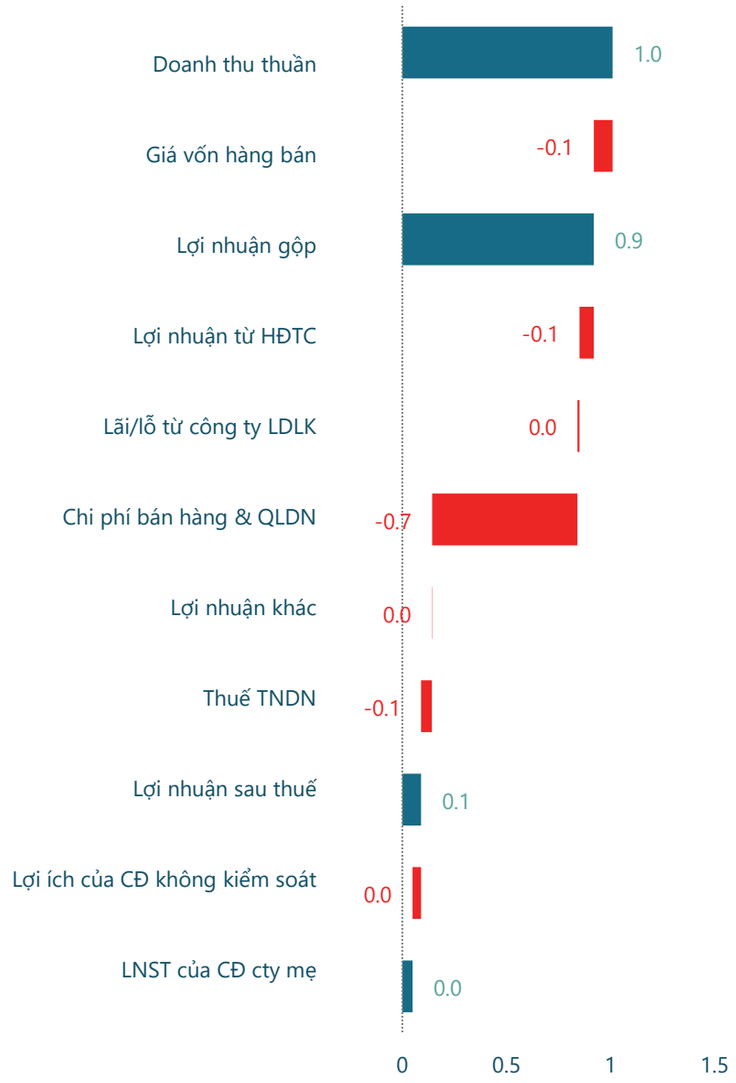

CTCP Bất động sản và Đầu tư VRC (HSX: VRC)

FireAnt

Kết quả kinh doanh

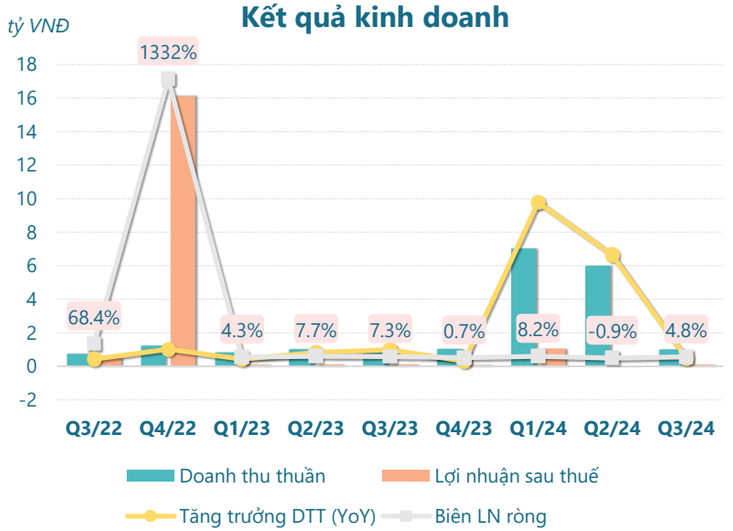

Kết quả kinh doanh của **VRC** quý III năm 2024, doanh thu thuần đạt **1.01 tỷ đồng** giảm đi **1.94%** so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận sau thuế ghi nhận **lãi 0.09 tỷ đồng**, **giảm sút 25.0%** so với cùng kỳ năm trước.

Lũy kế 9 tháng đầu năm 2024, doanh thu thuần đạt **14.00 tỷ đồng** cao hơn 367% so với cùng kỳ năm trước, lợi nhuận sau thuế ghi nhận **lãi 1.00 tỷ đồng** tăng thêm 1.00 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước.

Tại quý III năm 2024, lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh ghi nhận **lãi 0.14 tỷ đồng**, tăng thêm 1300% so với kỳ trước và thấp hơn 26.3% so với cùng kỳ năm trước.

Lợi nhuận từ hoạt động tài chính **lỗ 0.07 tỷ đồng** tăng thêm 3.60 tỷ đồng so với kỳ trước và thấp hơn 450% so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận khác **bằng 0** không đổi so với kỳ trước và bằng so với cùng kỳ năm trước.

Cơ cấu lợi nhuận

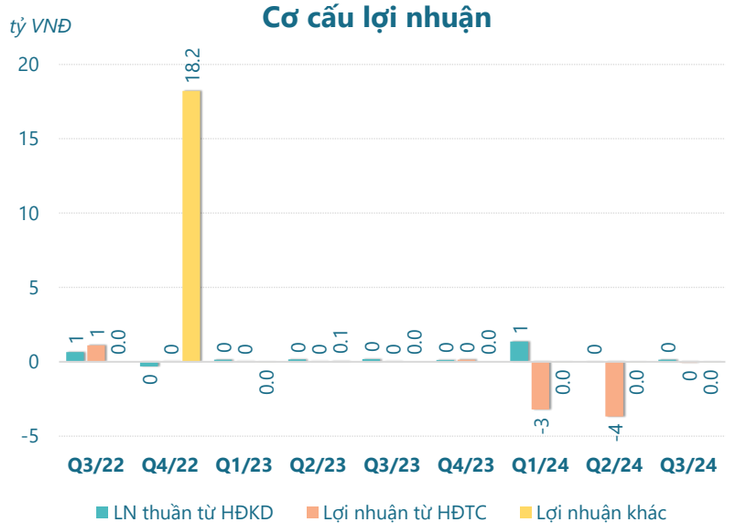

Cơ cấu chi phí

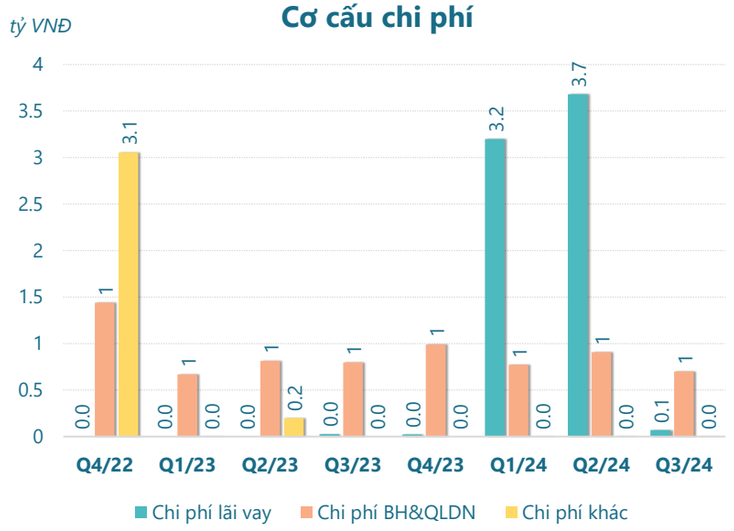

Tại quý III, chi phí lãi vay bằng **0.07 tỷ đồng** giảm đi 98.1% so với kỳ trước và cao hơn 250% so với cùng kỳ năm trước.

Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp bằng **0.70 tỷ đồng** giảm đi 23.1% so với kỳ trước và thấp hơn 12.5% so với cùng kỳ năm trước.

Chi phí khác bằng **0.00 tỷ đồng** không đổi so với kỳ trước và bằng so với cùng kỳ năm trước.

CTCP Bất động sản và Đầu tư VRC (HSX: VRC)

FireAnt

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q3/24	Q2/24	Thay đổi QoQ	Q3/23	Thay đổi YoY	9T 2024	9T 2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**1.01**	**6.00**	**-83.1%**	**1.03**	**-1.8%**	**14.0**	**2.87**	**388%**
Giá vốn hàng bán	0.09	1.41	-93.6%	0.05	81.4%	3.18	0.13	2341%
Lợi nhuận gộp	0.92	4.59	-79.9%	0.97	-5.1%	10.9	2.74	296%
Doanh thu HĐTC	0.00	0.01	-99.5%	0.04	-99.9%	0.01	0.05	-80.0%
Chi phí TC	0.07	3.68	-98.1%	0.02	244%	6.95	0.02	27892%
Chi phí lãi vay	0.07	3.68	-98.1%	0.02	244%	6.95	0.02	27892%
LN trong công ty LKLD	**-0.01**	**-0.01**	**3.9%**	**0.00**		**-0.03**	**0.00**	**-2813%**
Chi phí bán hàng	0	0.00		0.00		0	0	
Chi phí QLDN	**0.70**	**0.91**	**-23.2%**	**0.80**	**-12.6%**	**2.38**	**2.28**	**4.4%**
LN thuần từ HĐKD	0.14	0.01	1332%	0.19	-24.7%	1.51	0.49	207%
Lợi nhuận khác	**0.00**	**0.00**		**0.00**		**0.00**	**0.05**	**-108%**
LN trước thuế	0.14	0.00		0.19	-25.3%	1.51	0.54	179%
Lợi nhuận sau thuế	**0.09**	**-0.03**	**401%**	**0.12**	**-24.7%**	**1.12**	**0.33**	**242%**
LNST của CĐ cty mẹ	**0.05**	**-0.05**	**198%**	**0.08**	**-39.0%**	**0.57**	**0.19**	**199%**

Chỉ số thanh khoản

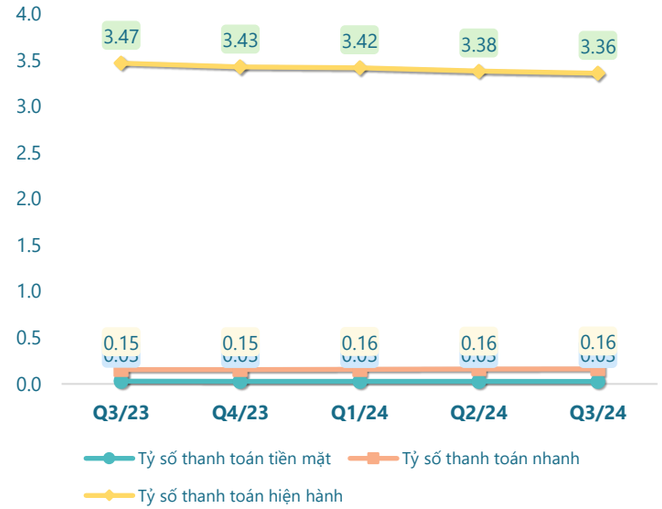

Biên lợi nhuận

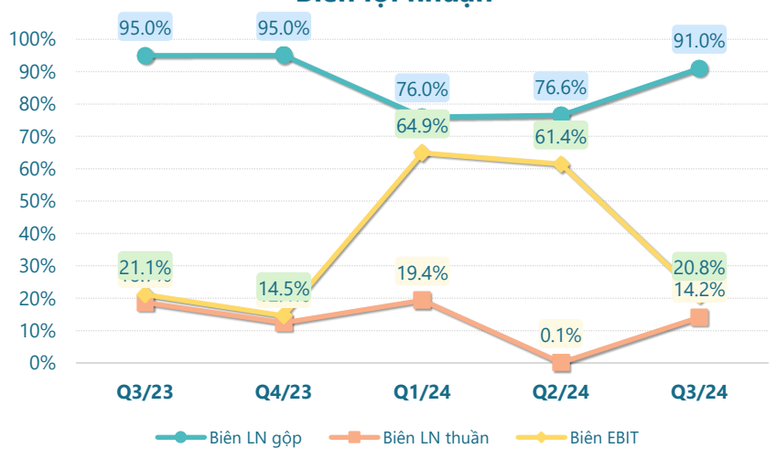

Tỷ suất sinh lợi

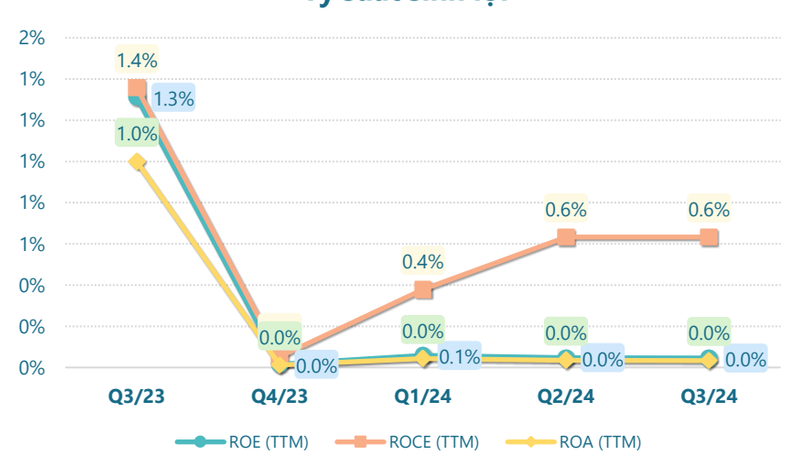

Vòng quay tài sản

